

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 254/2018/HS - ST
Ngày: 23- 10- 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 336/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2018/QĐXXST - HS ngày 08/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Mai Bá S - sinh năm 1987 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Tiến D (đã chết) và bà Lương Thị Y; Vợ: Hà Thùy L và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 31/01/2018 “có mặt”.

2. Hà Thùy L - sinh năm 1993 tại Thanh Hóa. Nơi ĐKKH: xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: /12; Dân tộc: Mường; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Thanh N (đã chết) và bà Hoàng Thị L2; chồng: Mai Bá S và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Bị hại: Ông La Viết T - SN 1953 “có mặt”.

Trú tại: xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ quen biết, đầu năm 2016 ông La Viết T có nhờ vợ chồng Mai Bá S, Hà Thùy L xin việc cho con gái ông là La Thị Thu H vừa tốt

nghiệp Đại học Thủy Lợi. Sau khi gặp ông T, S lên mạng Internet tìm hiểu thông tin về Ban quản lý dự án thủy lợi Thanh Hóa, cụ thể tìm hiểu về hình thức tuyển dụng, cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc và thông tin về nhân sự lãnh đạo của Ban quản lý. Ngoài ra S còn tìm hiểu thêm về thông tin thi tuyển công chức, về lãnh đạo Sở nội vụ Thanh Hóa. Khi có được các thông tin trên, S gọi điện cho ông T nói có thể xin cho H vào làm tại Ban quản lý dự án thủy lợi Thanh Hóa. Sau đó S trao đổi với vợ là Hà Thùy L để nhận lời với ông T xin việc cho H và bảo L cùng tham gia nhận tiền, L đồng ý. Khoảng tháng 4/2016 ông T cùng với chị H đến gặp vợ chồng S tại đường Đ, phường Đ, thành phố T. Tại đây vợ chồng S trao đổi với ông T là có quen biết với ông Phạm Công V - Trưởng Ban quản lý dự án thủy lợi Thanh Hóa và ông Nguyễn Văn D2 là giám đốc Sở nội vụ Thanh Hóa nên có thể xin cho H vào làm tại Ban quản lý dự án thủy lợi Thanh Hóa với chi phí 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) và hẹn đến tháng 9/2016 sẽ có quyết định. Do tin tưởng vợ chồng S nên ông T cho vợ chồng S số tiền 230.000.000đ làm 04 lần sau: ngày 29/4/2016 đưa cho S và L 100.000.000đ cùng 01 bộ hồ sơ xin việc của chị H tại đường Đ, phường Đ, thành phố T; ngày 29/6/2016 L trực tiếp nhận của chị H 20.000.000đ tại quán cà phê đường B, phường Đ, thành phố T; ngày 13/8/2016 vợ chồng S nhận 40.000.000đ tại nhà ông T ở xã X, huyện H; ngày 15/8/2016 ông T đưa tiếp cho vợ chồng S 70.000.000đ tại quán cà phê đường B, phường Đ, thành phố T. Các lần giao nhận tiền L đều viết giấy biên nhận với nội dung: nhận tiền để xin việc cho H vào Ban quản lý dự án thủy lợi Thanh Hóa đến tháng 9/2016 sẽ đi làm. Sau khi nhận tiền của ông T, S và L không xin việc cho H mà dùng toàn bộ số tiền trên vào việc kinh doanh đa cấp. Hồ sơ xin việc của H, S cất trong tủ để ở nhà.

Đến hẹn, ông T không thấy vợ chồng S xin được việc cho con nên đã đòi lại số tiền trên tiền nhưng vợ chồng S khát lần, trốn tránh không trả tiền nên ông T đã đến cơ quan điều tra Công an TP Thanh Hóa tố giác hành vi phạm tội của S và L.

Ngày 20/01/2018 S đã tự nguyện giao nộp bộ hồ sơ xin việc của H cho Cơ quan điều tra. Gia đình bị cáo S và L đã khắc phục được cho ông T 135.000.000đ, số tiền còn lại 95.000.000đ ông T yêu cầu bị cáo S và L tiếp tục phải bồi thường cho ông.

Tại bản cáo trạng số 241/CT-VKS-KT ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Mai Bá S và Hà Thùy L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng:

- Đối với bị cáo S: điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999, đề nghị mức hình phạt từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Đối với bị cáo L: điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 đề nghị mức hình phạt từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền còn lại 95.000.000đ cho ông La Viết T.

Các bị cáo S, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông T không có tranh luận gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa: bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với bị cáo L mặc dù lời khai ban đầu cho rằng do tin tưởng việc bị cáo S nói có quen biết với ông V và ông D2 nên khi bị cáo S nhờ viết giấy nhận tiền của ông T thì bị cáo đồng ý viết nhưng sau đó thì đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Năm 2016, tại số nhà đường Đ, phường Đ, thành phố T Mai Bá S và Hà Thùy L đã lừa đảo chiếm đoạt của ông La Viết T số tiền 230.000.000đ. Các bị cáo không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nên là đồng phạm giản đơn. Mặt khác, số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 230.000.000đ nên đây là tình tiết định khung hình phạt đối với các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 139 của BLHS năm 1999 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Mai Bá S, Hà Thùy L có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của BLHS năm 1999.

[3] Tính chất vụ án: Mặc dù các bị cáo không phải là người có chức vụ, quyền hạn, không có chức năng xin việc, nhưng đã dùng lời nói gian dối làm bị hại tin đó là sự thật nên đã giao tiền cho các bị cáo. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm

cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung cần xử lý nghiêm minh.

[4] Vai trò, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong vụ án này bị cáo S có vai trò chính vì bị cáo S là người khởi xướng, trực tiếp tìm hiểu các thông tin liên quan đến cơ quan chức năng nhằm mục đích lừa đảo. Bị cáo L là đồng phạm giúp sức cùng thực hiện hành vi là nhận tiền của bị hại. Do đó vai trò của bị cáo S cao hơn nên hình phạt cao hơn bị cáo L là phù hợp.

Với tính chất vụ án thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo vì đã bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo L áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của bị hại tài sản bị chiếm đoạt 230.000.000đ, các bị cáo đã bồi thường 135.000.000đ. Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 95.000.000đ. Xét việc yêu cầu bồi thường của bị hại là có cơ sở nên buộc bị cáo S và L liên đới bồi thường số tiền còn lại cho bị hại; căn cứ khoản 1 Điều 42 BLHS 1999.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a Khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46 (cho 2 bị cáo), khoản 2 Điều 46 (cho bị cáo L); khoản 1 Điều 42; Điều 33 BLHS năm 1999. Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Bá S và Hà Thùy L phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt:

1. Bị cáo Mai Bá S 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 31/01/2018.

2. Bị cáo Hà Thùy L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo S và L liên đới bồi thường số tiền còn lại cho bị hại ông La Viết T là 95.000.000đ. Theo đó mỗi bị cáo bồi thường 47.500.000đ.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 2.375.000đ DSST

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, nếu các bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm thì phải chịu thêm lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Thủy